

Vai trò của bảo lãnh tín dụng trong việc mở rộng khả năng tiếp cận tín dụng ngân hàng

TS. HÀ VĂN DƯƠNG

Hoạt động bảo lãnh tín dụng (BLTD) cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) đã hình thành tại nhiều quốc gia trên thế giới với vai trò đóng góp quan trọng cho tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội. Tại VN, BLTD là một trong những hoạt động trợ giúp phát triển DNNVV, tạo điều kiện cho các DNNVV tiếp cận và sử dụng vốn tín dụng ngân hàng (TDNH) phục vụ cho nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh. Song, hoạt động BLTD tại VN mới triển khai trong vài năm gần đây, mức độ đóng góp còn nhỏ bé so với vai trò làm cầu nối cho các DNNVV tiếp cận nhiều hơn nguồn vốn tín dụng ngân hàng. Việc tìm kiếm những giải pháp phát huy hơn nữa vai trò của BLTD cho các DNNVV là yêu cầu quan trọng, góp phần thúc đẩy hoạt động trợ giúp phát triển DNNVV hiện nay.

Từ khóa: Bảo lãnh tín dụng, doanh nghiệp nhỏ và vừa, tín dụng ngân hàng.

1. Đặt vấn đề

Gần đây, một trong những vấn đề quan tâm hàng đầu của các tổ chức tín dụng (TCTD) là mở rộng khả năng tiếp cận TDNH, gia tăng khả năng hấp thụ vốn của các DNNVV, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của các TCTD. Việc mở rộng khả năng tiếp cận TDNH cho các DNNVV chịu tác động của nhiều nhân tố, trong đó bao gồm nhân tố hoạt động BLTD cho các DNNVV với vai trò làm cầu nối cho các DNNVV tiếp cận nguồn vốn TDNH từ các TCTD.

Hoạt động BLTD tại VN hiện nay được triển khai thông qua hoạt động của Ngân hàng Phát triển VN và các Quỹ BLTD cho các DNNVV tại các địa phương. Bài viết này tiếp cận trực tiếp và đề cập đến vai trò BLTD của các Quỹ BLTD cho các DNNVV trên địa bàn TP.HCM, nhằm mở rộng khả năng tiếp cận TDNH cho các

DNNVV.

Cơ sở lý luận về vai trò của BLTD trong việc mở rộng khả năng tiếp cận TDNH của các DNNVV

Hoạt động BLTD hỗ trợ cho các DNNVV, là những doanh nghiệp có vai trò tiên phong tạo công ăn việc làm mới và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế quốc gia. Theo đó, vai trò của BLTD trong việc mở rộng khả năng tiếp cận TDNH của các DNNVV bao gồm:

Một là, tạo điều kiện cho các DNNVV tiếp cận dễ dàng hơn nguồn vốn tín dụng ngân hàng. Thông qua hoạt động phối hợp cho vay và BLTD với các TCTD, hoạt động hỗ trợ các DNNVV nâng cao năng lực lập dự án, phương án kinh doanh nhằm đáp ứng yêu cầu của TCTD khi thẩm định hồ sơ vay vốn của DNNVV. Qua đó sẽ tạo điều kiện cho các DNNVV tiếp cận nhanh nguồn vốn tín dụng ngân hàng, tăng cường năng lực tài chính cho phát triển sản xuất kinh

doanh.

Hai là, trợ giúp các DNNVV vượt qua khoảng cách thiếu hụt tài sản đảm bảo nợ vay qua cung cấp BLTD để làm biện pháp đảm bảo tiền vay cho các DNNVV vay vốn tại các TCTD. Vai trò này đã góp phần khắc phục được một trong những nguyên nhân hạn chế khả năng tiếp cận TDNH của các DNNVV là không có tài sản thế chấp đảm bảo nợ vay cho các TCTD.

2. Thực tiễn về vai trò của hoạt động BLTD cho các DNNVV

Đến nay cả nước có 20 Quỹ BLTD được thành lập và đi vào hoạt động tại các tỉnh thành trong cả nước với tổng vốn điều lệ là 1.262 tỷ đồng, trong đó Quỹ BLTD TP.HCM là đơn vị có vốn điều lệ cao nhất (232 tỷ đồng) và mức dư nợ BLTD cao nhất đến cuối năm 2013 (hơn 350 tỷ đồng). Qua nhiều năm vai trò hoạt động BLTD đã

phát huy được trên các mặt:

Thứ nhất, hoạt động phối hợp với các TCTD trên địa bàn ngày càng được tăng cường, nhằm tạo thuận lợi cho các DNNVV tiếp cận vốn TDNH. Trong giai đoạn 2007-2013, số TCTD tham gia phối hợp cho vay và BLTD đều gia tăng hàng năm và đến cuối năm 2013 cùng phối hợp với 20 TCTD trên địa bàn, tạo thêm uy tín và niềm tin cho các đối tác trong hoạt động BLTD (Bảng 1).

Phát huy vai trò cầu nối của hoạt động BLTD thông qua việc tạo điều kiện cho các DNNVV tiếp cận dễ dàng hơn nguồn vốn tín dụng ngân hàng. Tăng cường hoạt động hỗ trợ các DNNVV nâng cao năng lực lập dự án, phương án kinh doanh nhằm đáp ứng yêu cầu của TCTD khi thẩm định hồ sơ vay vốn của DNNVV, góp phần mở rộng khả năng tiếp cận nguồn vốn TDNH. Nhu cầu vốn vay của các DNNVV được lũy kế đến cuối năm 2013 đạt 6.278 tỷ đồng và tăng cường hơn cho hoạt động BLTD với mức nhu

cầu BLTD tích lũy đến cuối năm 2013 đạt 2.621 tỷ đồng (Bảng 1).

Thứ hai, hoạt động BLTD của Quỹ BLTD trên địa bàn TP.HCM trong giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2013 có những bước phát triển quan trọng, góp phần trợ giúp các DNNVV vượt qua khoảng cách thiếu hụt tài sản đảm bảo nợ vay. Thông qua cấp BLTD để làm biện pháp đảm bảo tiền vay cho các DNNVV vay vốn tại các TCTD. Với vai trò này, hoạt động BLTD đã góp phần khắc phục được một trong những nguyên nhân hạn chế khả năng tiếp cận TDNH của các DNNVV là không có tài sản thế chấp thế đảm bảo nợ vay cho các TCTD (Bảng 2), góp phần nâng cao năng lực tài chính cho các DNNVV.

Doanh số BLTD tăng thêm hàng năm và doanh số BLTD tích lũy đạt mức 862,94 tỷ đồng đến năm 2013, tạo điều kiện cho các DNNVV trên địa bàn tiếp cận 1.447,74 tỷ đồng vốn tín dụng từ các TCTD trên địa bàn TP.HCM.

Việc đáp ứng nhu cầu vốn đã giúp các DNNVV thực hiện có hiệu quả các phương án sản xuất kinh doanh và dự án đầu tư, tăng cường năng lực tài chính để phát triển sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập, tạo tích lũy, nhiều DNNVV tiếp tục đầu tư mở rộng để đáp ứng nhu cầu phát triển của thị trường, cũng như đa dạng hoá lĩnh vực hoạt động nên tiếp tục có nhu cầu sử dụng vốn vay từ các TCTD.

Tuy vậy, hoạt động BLTD chưa tương xứng với quy mô TDNH đối với các DNNVV trên địa bàn TP.HCM. Theo Ngân hàng Nhà nước VN-chi nhánh TP.HCM, đến năm 2013, dư nợ tín dụng đối với DNNVV đạt 79.545 tỷ đồng. Số dư BLTD chưa chiếm tỷ trọng đến 0,5% so với mức dư nợ tín dụng đối với các DNNVV. Bên cạnh, số lượng DNNVV được tư vấn trực tiếp so với số lượng DNNVV hơn 151 ngàn doanh nghiệp trên địa bàn (Bảng 3), càng cho thấy quy mô hoạt động BLTD trên địa bàn TP.HCM chưa thực sự là cầu nối

Bảng 1. Hoạt động phối hợp với các TCTD và hỗ trợ các DNNVV trên địa bàn TP.HCM giai đoạn 2007-2013

Chỉ tiêu chủ yếu	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Số lượng TCTD phối hợp cho vay và BLTD	1	2	12	14	15	17	20
Số lượng DNNVV được tư vấn trực tiếp			106	101	105	63	55
Tổng nhu cầu vốn vay của các DNNVV được tư vấn trực tiếp (tỷ đồng)			1.921	2.048	959	1.014	336
Tổng nhu cầu BLTD của các DNNVV được tư vấn trực tiếp (tỷ đồng)			429	1.441	242	383	126

Nguồn: Báo cáo tổng kết hoạt động của Quỹ BLTD TP.HCM

Bảng 2. Hoạt động BLTD trên địa bàn TP.HCM giai đoạn 2007-2013 ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu chủ yếu	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Doanh số bảo lãnh phát sinh mới	4,00	6,08	201,29	250,06	210,58	92,63	98,30
Lũy kế doanh số bảo lãnh	4,00	10,08	211,37	461,43	672,01	764,64	862,94
Giá trị bảo lãnh thanh lý			11,88	149,81	178,36	54,39	118,11
Lũy kế doanh số bảo lãnh đã thanh lý			11,88	161,69	340,05	394,44	512,55
Số dư bảo lãnh cuối kỳ	4,00	10,08	199,49	299,75	331,97	370,21	350,40
Hạn mức vốn vay khách hàng được cấp	5,27	7,66	382,12	425,81	290,23	131,78	204,88
Lũy kế hạn mức vốn vay được cấp	5,27	12,93	395,05	820,86	1.111,09	1.242,87	1.447,74

Nguồn: Báo cáo tổng kết hoạt động của Quỹ BLTD TP.HCM

Bảng 3. Dư nợ cho vay DNNVV và số lượng các DNNVV tại TP.HCM đến năm 2013

Chỉ tiêu chủ yếu	Giá trị/số lượng
Dư nợ cho vay DNNVV đến cuối năm 2013 (tỷ đồng)	79.544
Số dư BLTD đến cuối năm 2013 (tỷ đồng)	350,40
Tỷ lệ số dư BLTD so với dư nợ cho vay DNNVV đến cuối năm 2013	0,44%
Số lượng DNNVV đến năm 2013	151.854

Nguồn: Báo điện tử Chính phủ, Báo Phụ nữ online và Quỹ BLTD TP.HCM

hiệu quả cho các DNNVV tiếp cận nguồn vốn TDNH.

Hạn chế trên xuất phát từ một số nguyên nhân: Hoạt động BLTD là một hoạt động khá mới được triển khai tại VN nên gặp nhiều khó khăn, mức độ tín nhiệm trong BLTD chưa cao, nên nhiều TCTD còn khá thận trọng trong quá trình phối hợp. Đội ngũ nhân viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc BLTD và tư vấn cho khách hàng. DNNVV chưa thực sự minh bạch thông tin, bất đối xứng về thông tin, làm cản trở việc tiếp cận vốn TDNH qua BLTD. Đặc biệt, theo Quyết định 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “Bên được bảo lãnh phải sử dụng tài sản hiện có hoặc tài sản hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của mình mà pháp luật không cấm giao dịch để thực hiện các biện pháp đảm bảo cho bảo lãnh vay vốn tại bên bảo lãnh theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm”, việc yêu cầu các DNNVV phải có tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản bảo lãnh vay vốn sẽ gây khó khăn cho khách hàng và ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động bảo lãnh của Quỹ bắt đầu từ tháng 12/2013 và các năm tiếp theo. Vì thực tế các DNNVV đề nghị BLTD để vay vốn tại TCTD là do thiếu tài sản đảm bảo hoặc tài sản đảm bảo không đủ điều kiện cầm cố, thế chấp theo quy định của pháp luật về giao dịch

bảo đảm. Khi DNNVV có đủ tài sản để cầm cố, thế chấp theo quy định thì TCTD đã nhận cầm cố tài sản hoặc nhận thế chấp tài sản của DNNVV để cho vay vốn mà không yêu cầu có bảo lãnh tín dụng của Quỹ BLTD.

Bên cạnh đó, Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg quy định vốn hoạt động của Quỹ BLTD được hình thành từ vốn điều lệ gồm vốn cấp của ngân sách tỉnh, thành phố, vốn góp của các TCTD, vốn góp của các doanh nghiệp khác, vốn góp của các hiệp hội ngành nghề, các tổ chức đại diện và hỗ trợ DNNVV; vốn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân (bao gồm cả vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA) trong và ngoài nước cho mục tiêu phát triển các DNNVV; vốn bổ sung từ kết quả hoạt động của Quỹ BLTD và các nguồn vốn hợp pháp khác. Ngoài ra, Công văn 07/TTg-KTTH ngày 03/01/2013 của Chính phủ về BLTD đối với DNNVV đã đồng ý về nguyên tắc sử dụng nguồn thu cổ phần hóa từ các doanh nghiệp nhà nước địa phương (phần phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp) để tăng cường nguồn lực tài chính cho Quỹ BLTD địa phương. Song, trên thực tế đến nay vốn cấp của ngân sách tỉnh, thành phố là nguồn vốn hoạt động chủ yếu của các Quỹ BLTD. Nhiều địa phương chỉ cân đối được nguồn ngân sách để đảm bảo đủ nguồn

vốn tối thiểu theo quy định là 30 tỷ đồng và với mức vốn này, các Quỹ BLTD tại nhiều địa phương đã gặp khó khăn cho phát triển hoạt động BLTD. Trong đó, mặc dù Quỹ BLTD TP.HCM là đơn vị có nguồn vốn điều lệ cao nhất hiện nay trong các Quỹ BLTD tại VN. Nhưng đảm bảo mức bảo lãnh tối đa theo quy định 15% trên vốn chủ sở hữu của Quỹ BLTD được tính cho mỗi DNNVV cho thấy mức BLTD thấp và tổng mức BLTD cho các DNNVV không vượt quá 5 lần so với vốn điều lệ thực của Quỹ BLTD, càng cho thấy quy mô BLTD chưa tương xứng với dư nợ cho vay DNNVV của các TCTD và số lượng DNNVV.

3. Giải pháp tăng cường vai trò của hoạt động BLTD cho các DNNVV

3.1. Các giải pháp về cơ chế chính sách

- Cần điều chỉnh, bổ sung Quyết định 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ cho phù hợp với điều kiện thực tiễn hoạt động của các DNNVV tại VN và phù hợp với thông lệ quốc tế, nhằm góp phần trợ giúp các DNNVV vượt qua khoảng cách thiếu hụt tài sản đảm bảo nợ vay qua cung cấp BLTD để làm biện pháp đảm bảo tiền vay cho các DNNVV vay vốn tại các TCTD. Theo đó, không quy định việc thực hiện các biện pháp đảm bảo cho bảo lãnh vay vốn tại bên bảo lãnh và thay vào bằng quy định việc kiểm soát dòng tiền chặt chẽ của bên BLTD đối với bên được BLTD.

- Quy định cho hoạt động BLTD được triển khai đa dạng, ngoài BLTD cho các DNNVV vay vốn tại các TCTD, còn thực hiện BLTD cho các DNNVV tiếp cận

đầy đủ các hình thức cấp tín dụng tại các TCTD. Theo kinh nghiệm hoạt động BLTD cho các DNNVV tại các nước, Ilhyock Shim (2006), cần cho phép bảo lãnh trái phiếu, chứng khoán đảm bảo bằng tài sản tài chính đối với các DNNVV tại VN, nhằm góp phần nâng cao năng lực tài chính cho các DNNVV và phát triển hoạt động BLTD của các Quỹ BLTD.

- Ban hành cơ chế thu hút nguồn vốn hoạt động của Quỹ BLTD từ vốn góp của các TCTD, vốn góp của các doanh nghiệp, các hiệp hội ngành nghề, các tổ chức, cả trong và ngoài nước cho mục tiêu phát triển các DNNVV. Cơ chế thu hút vốn đảm bảo khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn có hiệu quả, kiểm soát chặt chẽ, an toàn vốn và phát triển vốn.

- Ban hành quy định hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa Quỹ BLTD với các TCTD, nhằm thực hiện có hiệu quả hơn cơ chế BLTD đối với DNNVV, góp phần nâng cao hiệu quả làm cầu nối cho các DNNVV tiếp cận vốn tín dụng tại các TCTD một cách thuận lợi hơn.

- Quy định về thành lập hệ thống kiểm soát nội bộ của Quỹ BLTD, đảm bảo được sự tương thích về các nguyên tắc cơ bản của kiểm toán nội bộ. Tạo điều kiện nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát rủi ro hoạt động BLTD, đảm bảo sự phù hợp về đánh giá độc lập của kiểm toán độc lập đối với hệ thống kiểm soát nội bộ.

3.2. Các giải pháp đối với Quỹ BLTD

- Áp dụng mô hình 4P theo chương trình BLTD thành công, Linda Deelen & Klaas Molenaar (2004) đưa ra kinh nghiệm cho thấy BLTD chỉ có thể thành công khi đạt được yêu cầu 4 P: Các

DNNVV có sự chuẩn bị tốt (well-prepared) để triển khai các dự án tốt (good projects), được tiếp cận vốn tín dụng tại những ngân hàng phối hợp tốt (good performing banks), có đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp (professional staff) để thực hiện đánh giá từng khoản cho vay, BLTD có hiệu quả, duy trì liên lạc chặt chẽ với các DNNVV. Điều này sẽ làm cho các TCTD tự tin rằng Quỹ BLTD thực sự biết nhiều về DNNVV, khắc phục dần tình trạng thông tin bất đối xứng trong hoạt động cho vay và BLTD, hạn chế rủi ro và nâng cao hiệu quả BLTD.

- Xây dựng và triển khai chương trình/đề án phát triển hoạt động BLTD phù hợp với chương trình phát triển DNNVV và gắn kết với các chương trình trợ giúp phát triển DNNVV trên địa bàn.

3.3. Các giải pháp đối với DNNVV

- DNNVV từng bước thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính: Nguồn số liệu, thông tin từ báo cáo tài chính của các doanh nghiệp là cơ sở quan trọng cho công tác thẩm định tín dụng và tác động đến quyết định cấp tín dụng và BLTD. Do vậy, chất lượng số liệu, thông tin từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng TDNH và BLTD. Mặt khác, về cơ sở pháp lý đã đề cập đến kiểm toán bắt buộc đối với các doanh nghiệp, tổ chức vay vốn ngân hàng (Thông tư số 64/2004/TT-BTC ngày 29/06/2004 của Bộ Tài chính), cho thấy nhu cầu về kiểm toán báo cáo tài chính của các doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng ngày càng quan trọng. Thông tin doanh nghiệp cần được minh bạch, nâng cao uy tín và năng lực quản lý tài chính, giúp các DNNVV thuận

lợi hơn trong BLTD và tiếp cận vốn TDNH.

- Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, nhằm ứng phó kịp thời với những tác động ảnh hưởng phát sinh từ môi trường KT-XH, góp phần hạn chế rủi ro cho DNNVV, góp phần nâng cao hiệu quả làm cầu nối tiếp cận vốn TDNH của hoạt động BLTD cho các DNNVV.

3.4. Các giải pháp hỗ trợ của Nhà nước cho các Quỹ BLTD

- Định hướng chiến lược phát triển hoạt động BLTD cho các DNNVV, định hướng mang tính dài hạn, làm cơ sở cho việc triển khai kế hoạch hoạt động BLTD hàng năm phù hợp và gắn kết với các chương trình trợ giúp phát triển DNNVV.

- Hỗ trợ về kiến thức tài chính cho các DNNVV thông qua các cuộc hội nghị kết nối ngân hàng và doanh nghiệp do Chi nhánh NHNN trên từng địa phương. Hỗ trợ các DNNVV nâng cao, phát huy vai trò chủ đạo của kiến thức tài chính trong hoạch định và phân bổ nguồn lực tài chính phù hợp với nguyên tắc vận hành của thị trường tài chính, giúp lựa chọn những sản phẩm tài chính và đưa ra các quyết định trong việc lựa chọn các danh mục đầu tư có hiệu quả, phù hợp với định hướng phát triển của doanh nghiệp.

- Trợ giúp các Quỹ BLTD trong việc tăng cường hợp tác quốc tế trao đổi học tập kinh nghiệm với các tổ chức hoạt động BLTD quốc tế, giúp tiếp cận về quản lý, về nghiệp vụ BLTD nhằm phát triển hoạt động BLTD phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế thế giới●

(Xem tiếp trang 77)